HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33 /2026/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách hỗ trợ thiệt hại do động vật rừng gây ra trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ thiệt hại do động vật rừng gây ra trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2026 và Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc tiếp thu, giải trình, sửa đổi, bổ sung Tờ trình số 118/TTr-UBND; Báo cáo thẩm tra số 167/BC-BKTNS ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ thiệt hại do động vật rừng gây ra trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng của tổ chức, cá nhân do động vật rừng từ tự nhiên (trừ các loài gia súc, gia cầm, các loài chim, các loài động vật thuộc Bộ gặm nhấm và các loài côn trùng) gây ra trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động, sinh sống, lưu thông, sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

c) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc kiểm tra, xác nhận, thẩm định, chi trả hỗ trợ thiệt hại theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Thiệt hại xảy ra do động vật rừng gây ra và được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận;

b) Tài sản bị thiệt hại trên địa bàn thành phố Đồng Nai phải thuộc quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân; trường hợp chưa có giấy tờ chứng minh theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hiện trạng sử dụng đất ổn định, sở hữu tài sản thực tế và không có tranh chấp tại thời điểm xảy ra thiệt hại theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này;

c) Người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng phải đang hoạt động, sinh sống, lưu thông, sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại địa bàn thành phố Đồng Nai (không thuộc trường hợp cư trú, lưu trú, học tập, làm việc trái quy định của pháp luật).

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Nhà nước hỗ trợ một phần thiệt hại do động vật rừng gây ra, không đền bù thiệt hại;

b) Thực hiện hỗ trợ công khai, minh bạch, kịp thời, đủ điều kiện, đúng đối tượng, đúng định mức, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, không để xảy ra trục lợi chính sách, tiêu cực, lãng phí. Không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một nội dung thiệt hại đã được hỗ trợ, thanh toán từ chính sách hoặc nguồn kinh phí khác theo quy định;

c) Không áp dụng đối với trường hợp thiệt hại phát sinh do vi phạm quy định của pháp luật về lâm nghiệp và bảo vệ động vật rừng hoặc do hành vi cố ý tiếp cận, kích động, xua đuổi động vật rừng trái quy định dẫn đến việc bị động vật rừng tấn công.

Điều 3. Mức hỗ trợ thiệt hại

1. Mức hỗ trợ thiệt hại về tài sản:

a) Đối với cây trồng

Đối với cây lâu năm bị gãy đổ hoàn toàn hoặc gãy đổ cành, nhánh làm cây không thể phục hồi và đối với cây hằng năm bị thiệt hại, hỗ trợ một lần bằng 50% giá trị thiệt hại, được xác định theo đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành đang được triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Đối với vật nuôi

Hỗ trợ thiệt hại đối với vật nuôi bị thiệt hại hoàn toàn được thực hiện theo mức hỗ trợ quy định trong chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Đối với hỗ trợ sửa chữa nhà ở, công trình

Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại nhà ở, công trình do động vật rừng gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa, Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh, làm rõ mức

độ, giá trị thiệt hại để xem xét, quyết định mức hỗ trợ chi phí sửa chữa phù hợp với thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 40.000.000 đồng/nhà ở, công trình.

2. Đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng:

a) Đối với người bị thương do động vật rừng gây ra có tham gia bảo hiểm y tế, được xem xét hỗ trợ 100% chi phí khám, chữa bệnh được xác định trên cơ sở phần chi phí thực tế người bệnh phải thanh toán sau khi đã trừ phần chi phí do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả. Đối với người không tham gia bảo hiểm y tế, hỗ trợ 100% chi phí khám, chữa bệnh hợp lệ theo hóa đơn, chứng từ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 25.000.000 đồng/người;

b) Đối với người bị thương nặng phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế từ 03 ngày trở lên, ngoài mức hỗ trợ 100% chi phí khám, chữa bệnh tại điểm a khoản 2 Điều này, được hỗ trợ thêm với mức bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định của Chính phủ;

c) Trường hợp người bị thương không có người thân thích chăm sóc thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra thiệt hại trực tiếp hỗ trợ người bị thiệt hại và xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí cho người bị thiệt hại theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;

d) Đối với trường hợp tử vong: Hỗ trợ một lần chi phí mai táng cho thân nhân hoặc đại diện hộ gia đình người bị nạn trực tiếp đứng ra tổ chức mai táng bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định của Chính phủ; trường hợp không có người thân thích nhận trách nhiệm mai táng thì hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực tế tổ chức mai táng theo chi phí thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc có trách nhiệm lập hồ sơ, phê duyệt và kịp thời thực hiện chi trả hỗ trợ theo quy định.

3. Đối với các tài sản khác

Đối với các loại tài sản khác như: phương tiện, đồ gia dụng, cây trồng có thể phục hồi, sản phẩm cây trồng, vật nuôi có thể phục hồi, sản phẩm chăn nuôi bị thiệt hại mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì thực hiện hỗ trợ bằng 50% giá trị thiệt hại thực tế của tài sản tại thời điểm xảy ra thiệt hại nhưng tối đa không quá 25.000.000 đồng/tài sản; giá trị thiệt hại được xác định trên cơ sở hiện trạng, mức độ thiệt hại thực tế và giá trị sử dụng còn lại của tài sản. Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng để xác định giá trị thiệt hại làm căn cứ thực hiện hỗ trợ, thành phần Hội đồng, gồm: Phòng, ban phụ trách của Ủy ban nhân dân cấp xã tùy theo loại tài sản bị thiệt hại; đơn vị chủ rừng, cơ quan Kiểm lâm sở tại và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ:

a) Ngân sách thành phố;

b) Ngân sách cấp xã;

c) Nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác: Bao gồm kinh phí tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách thành phố cấp cho ngân sách địa phương cấp xã:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp xã được giao (không vượt quá 50% tổng nguồn dự phòng cấp xã) và nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều này để thực hiện;

b) Trường hợp nguồn lực tại điểm a khoản này không đủ để đảm bảo nhu cầu chi thì ngân sách thành phố cấp bổ sung phần chênh lệch để các địa phương cấp xã có đủ nguồn lực để thực hiện.

Điều 5. Thực hiện hỗ trợ

1. Hồ sơ hỗ trợ:

a) Biên bản xác minh hiện trường thực tế để xác định thiệt hại; Bảng kê thiệt hại làm cơ sở so sánh, đối chiếu với các căn cứ như: định mức đã được quy định về bồi thường cây trồng; hỗ trợ thiệt hại vật nuôi; chính sách trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành để thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không có căn cứ để xác định giá trị thiệt hại làm cơ sở thực hiện hỗ trợ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xác định giá trị thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này;

b) Bản sao một trong các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản (nếu có). Trường hợp chưa có giấy tờ theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về hiện trạng sử dụng đất, sở hữu tài sản thực tế và không có tranh chấp tại thời điểm xảy ra thiệt hại;

c) Giấy ra viện, bản tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc sổ khám bệnh và chứng từ thanh toán chi phí khám chữa bệnh hợp pháp do cơ sở y tế cấp đối với trường hợp bị thương; giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử đối với trường hợp thiệt hại về tính mạng;

d) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có);

đ) Quyết định phê duyệt việc hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã;

e) Hồ sơ thực hiện chi trả hỗ trợ: biên lai chi tiền hoặc biên bản ghi nhận việc chi trả hỗ trợ.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Ngay sau khi tiếp nhận thông tin tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do động vật rừng gây ra, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật sổ theo dõi tin báo của người dân và thực hiện theo quy trình nội bộ trong giải quyết, chi trả hỗ trợ;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với lực lượng chức năng, đơn vị có liên quan (Kiểm lâm, Công an cấp xã, đơn vị chủ rừng) kịp thời tổ chức kiểm tra, xác minh thực tế hiện trường; thời hạn thực hiện không quá 02 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin;

c) Trên cơ sở kết quả xác minh thực tế hiện trường, cơ quan chuyên môn cấp xã chủ trì lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt và thực hiện chi trả hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này bảo đảm tính kịp thời của chính sách.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 11 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố kết quả thực hiện theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa I, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Tôn Ngọc Hạnh

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- VKSND, TAND, THADS thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.